BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2635 /QĐ-BNN-TL	*Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án Tăng cường khả năng tiêu thoát lũ vùng Bắc Thanh Hóa

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 9/2/2021 về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 Quy định chi tiết một số nội dung và quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 3312/QĐ-BNN-KH ngày 23/7/2021 về việc Phê duyệt chủ trương đầu tư; Quyết định số 4598/QĐ-BNN-KH ngày 28/11/2022 về việc điều chỉnh đơn vị chủ trì lập dự án đầu tư và Quyết định số 2510/QĐ-BNN-KH ngày 22/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Tăng cường khả năng tiêu thoát lũ vùng Bắc Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 2306/QĐ-UBND ngày 29/6/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo Đánh giá tác động môi trường dự án Tăng cường khả năng tiêu thoát lũ vùng Bắc Thanh Hóa;

Căn cứ Văn bản số 9024/UBND-NN ngày 26/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc ý kiến về hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án Tăng cường khả năng tiêu thoát lũ vùng Bắc Thanh Hóa;

Xét đề nghị của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa tại Tờ trình số 39/TTr-BQLDANN ngày 26/6/2023 về việc thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án Tăng cường khả năng tiêu thoát lũ vùng Bắc Thanh Hóa, kèm theo Báo cáo thẩm tra số 16/BC-TTr ngày 15/6/2023 của Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Thủy lợi và cơ sở hạ tầng Hải Dương;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thủy lợi, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, kèm theo Báo cáo thẩm định số 791/BC-TL-ĐTXD ngày 29/6/2023 của Cục Thuỷ lợi.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Tăng cường khả năng tiêu thoát lũ vùng Bắc Thanh Hóa với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Tăng cường khả năng tiêu thoát lũ vùng Bắc Thanh Hóa.

2. Người quyết định đầu tư: Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT.

3. Chủ đầu tư

3.1. Giai đoạn chuẩn bị đầu tư: Ban Quản lý đầu tư và xây dựng Thủy lợi 2 và Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa

3.2. Giai đoạn thực hiện đầu tư:

- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa thực hiện nhiệm vụ Chủ đầu tư phần xây dựng công trình.

- UBND huyện Hà Trung thực hiện nhiệm vụ Chủ đầu tư phần bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trên địa bàn huyện Hà Trung.

- UBND huyện Nga Sơn thực hiện nhiệm vụ Chủ đầu tư phần bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trên địa bàn huyện Nga Sơn.

4. Mục tiêu, nhiệm vụ

Tăng cường khả năng tiêu thoát lũ cho lưu vực có diện tích khoảng 20.650ha, trong đó có khoảng 4.570ha được chủ động bơm tiêu; góp phần giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, cải tạo môi trường sinh thái của khu vực.

5. Quy mô đầu tư xây dựng

5.1. Nâng cấp kênh và công trình trên kênh Hưng Long

a) Quy mô, thông số thiết kế như sau:

TT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Trị số
I	**Kênh Hưng Long**		
1	Lưu lượng lớn nhất thiết kế	m^3/s	30
2	Chiều dài tuyến	m	14.200
3	Cao trình đỉnh bờ kênh thiết kế	m	(+2,52) ÷ (+3,19)
4	Chiều cao trung bình tường chắn (tôn bờ)	m	0,80
5	Hệ số mái		0÷1,5
II	**Công trình trên kênh**		
1	Cống điều tiết tại K5+270		
-	Kích thước nx(BxH)	m	4x(3,0x2,0)

TT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Trị số
-	Cao trình đáy cống	m	-1,00
2	Cống Văn Thắng, Sa Loan, Yên Hải		
-	Kích thước nx(BxH)	m	3x(3,0x3,5)
-	Cao trình đáy cống	m	-1,50
3	Sửa chữa, nâng cấp trạm bơm Nga Thiện		
-	Số tổ máy	tổ	6
-	Công suất mỗi tổ	m^3/h	2.500
-	Chiều dài kênh xả	m	120

b) Giải pháp thiết kế

- Kênh chính Hưng Long : Giữ nguyên mặt cắt hiện trạng, tôn cao một số đoạn bờ kênh bằng tường BTCT M250; gia cố mái tại một số vị trí bị xói lở cục bộ và các đoạn qua khu dân cư; kết cấu bằng tấm lát BTCT M250, kích thước (60x60x10)cm; gia cố mặt bờ kênh các đoạn cục bộ qua khu dân cư bằng bê tông M250. Sửa chữa, nối dài, lắp đặt cửa van cho các cống lấy nước hiện có tại hai bên bờ kênh.

- Các cống điều tiết và các cống đầu kênh: Kết cấu cống hộp BTCT M250; xử lý nền bằng cọc BTCT; cửa van phẳng bằng thép, đóng mở bằng tời điện. Tại cống điều tiết (K5+270) bố trí hoàn trả kênh dẫn nước, kích thước BxH = (4,00x2,05)m, chiều dài kênh L=18m; kết cấu kênh BTCT M250.

- Sửa chữa, nâng cấp trạm bơm Nga Thiện: Thay mới thiết bị 6 tổ máy; chỉnh trang nhà máy; gia cố kênh xả, dài L= 120m; cao trình đáy kênh tại cửa vào (+0,50); chiều rộng đáy kênh B=3,5m; hệ số mái m=1,5; kết cấu BTCT.

5.2. Công trình điều tiết trên kênh Chiếu Bạch:

- Hình thức: Xây dựng mới tại vị trí cầu cũ.

- Khẩu diện: Cống 2 khoang, có kích thước nx(BxH) = 2x(3,0x3,5) m.

- Cao trình đáy cống (-0,80) m;

- Kết cấu bằng BTCT M250; xử lý nền bằng cọc BTCT; cửa van bằng thép, đóng mở bằng tời điện.

5.3. Nạo vét lòng dẫn và xây dựng công trình trên sông Tống

a) Nạo vét lòng dẫn sông Tống đoạn từ cầu Tống Giang đến cầu Yên Dương

TT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Trị số
1	Chiều dài tuyến nạo vét	m	1.354,5
2	Chiều rộng đáy sông	m	10÷15

TT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Trị số
3	Cao độ đáy nạo vét	m	(+0,00)÷(-0,50)
4	Hệ số mái		1,5÷2,0
5	Chiều dài gia cố mái (đoạn trước đền Trần)	m	300
6	Hình thức gia cố mái tấm lát BTCT trong khung dầm BTCT	m	0,60 x 0,60 x 0,10

b) Cống điều tiết Yên Dương:

- Hình thức: Xây dựng mới tại vị trí cầu cũ.

- Khẩu diện: Cống 4 khoang, có kích thước nx(BxH) = 4x(5,0x5,0) m.

- Cao trình đáy cống (-0,70) m;

- Kết cấu bằng BTCT M250; xử lý nền bằng cọc BTCT; cửa van bằng thép, đóng mở bằng tời điện.

5.4. Nạo vét lòng dẫn và xây dựng công trình trên sông Hoạt

a) Nạo vét một số đoạn trên Sông Hoạt:

TT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Trị số
I	**Đoạn 1 (hạ lưu cầu Cừ)**		
1	Chiều dài tuyến nạo vét	m	1.000
2	Chiều rộng đáy sông	m	31
3	Cao độ đáy nạo vét	m	-2,1
4	Hệ số mái		1,5
II	**Đoạn 2 (qua xã Hoạt Giang)**		
1	Chiều dài tuyến nạo vét	m	550
2	Chiều rộng đáy sông	m	37
3	Cao độ đáy nạo vét	m	(-1,50)÷(-2,00)
4	Hệ số mái		1,5

b) Xây dựng các công trình trên sông Hoạt:

- Cầu Đìa Ngang: Xây dựng mới tại vị trí cầu hiện có; tải trọng HL93. Chiều dài cầu tính đến đuôi mố Lc=66,3m, gồm 3 nhịp (3x18) m; chiều rộng mặt cầu B=12m. Kết cấu: Dầm bản BTCT DƯL lắp ghép; mố, trụ bằng BTCT, móng bằng cọc khoan nhồi.

- Cầu Cao Lũng: Xây dựng mới tại vị trí cầu hiện có; tải trọng HL93. Chiều dài cầu tính đến đuôi mố Lc=82,2m, gồm 3 nhịp (3x24) m; chiều rộng mặt cầu B=6m. Kết cấu: Dầm I BTCT DƯL lắp ghép; mố, trụ bằng BTCT, móng bằng cọc khoan nhồi.

5.5. Nâng cấp, gia cố tuyến kênh Đông Quang

a) Quy mô, thông số thiết kế như sau:

TT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Trị số
I	**Kênh chính Đông Quang**		
1	Chiều dài tuyến	m	4.203,4
2	Chiều rộng đáy kênh	m	2,5÷7,0
3	Cao trình đáy kênh	m	(-1,15)÷(+0,30)
4	Hệ số mái		1,5
II	**Kênh nhánh N1**		
1	Chiều dài tuyến	m	970,3
2	Chiều rộng đáy kênh	m	5,0
3	Cao trình đáy kênh	m	(-0,16) ÷(-0,35)
4	Hệ số mái		1,5
III	**Kênh nhánh N2**		
1	Chiều dài tuyến	m	901,3
2	Chiều rộng đáy kênh	m	1,0÷2,0
3	Cao trình đáy kênh	m	(-0,25)÷(+0,49)
4	Hệ số mái		1,5

b) Giải pháp thiết kế:

- Kênh chính:

+ Đoạn từ K0 - K1+100: Dài 100m; kênh có kết cấu dạng cống hộp BTCT M250, kích thước bxh=(2,5x2,5)m.

+ Đoạn từ K0+100 đến K4+203,4: Dài 4.103 m, mặt cắt kênh hình thang, gia cố mái bằng tấm BTCT kích thước (0,60x0,60x0,10)m, chân mái gia cố bằng dầm BTCT. Bờ trái kết hợp đường quản lý vận hành, rộng 4,5m, mặt đường rộng B_m=3,5m được gia cố bằng BT M250. Bờ phải B=2,5m gia cố bằng cấp phối đá dăm.

- Kênh nhánh N1, N2: Mặt cắt kênh hình thang; gia cố mái bằng tấm BTCT đúc sẵn kích thước (0,60x0,60x0,10)m; chân mái gia cố bằng dầm BTCT. Bờ trái kết hợp đường quản lý vận hành, rộng 4,5m, mặt đường rộng B_m=3,5m được gia cố bằng BT M250. Bờ phải B=2,50m gia cố bằng cấp phối đá dăm.

- Xây dựng các công trình trên kênh (cống lấy nước, …).

5.6. Nâng cấp đê tả sông Hoạt đoạn qua xã Hà Bắc: Tổng chiều dài L=2.014m; xây dựng tường chắn, cao trình đỉnh tường (+5,15)m, chiều cao tường 0,6 m, kết cấu BTCT M250; chiều rộng mặt đê B=6m, chiều rộng gia cố b=5,0m kết cấu bằng bê tông M250.

6. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Liên danh Trung tâm Tư vấn xây dựng Thủy lợi, Viện Thủy điện và năng lượng tái tạo, Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng và thương mại Hưng Phú.

7. Địa điểm xây dựng: Các huyện Hà Trung, Nga Sơn tỉnh Thanh Hóa.

8. Nhóm dự án: Dự án nhóm B.

9. Loại, cấp công trình chính

- Loại công trình: Công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Cấp công trình: Công trình cấp II ÷ IV.

10. Số bước thiết kế: Thiết kế 2 bước

- Thiết kế cơ sở;

- Thiết kế bản vẽ thi công – dự toán.

11. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

- QCVN 04 - 05 : 2022/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai.

- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 12845:2020 - Công trình thủy lợi - Thành phần, nội dung lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi và báo cáo kinh tế kỹ thuật.

- TCVN 13615:2022 Tính toán các đặc trưng thủy văn thiết kế.

- TCVN 9164 : 2012 - Công trình thủy lợi - Hệ thống tưới tiêu - Yêu cầu kỹ thuật vận hành hệ thống kênh.

- TCVN 4118-2021: Công trình thủy lợi - Hệ thống tưới tiêu - Yêu cầu thiết kế.

- TCVN 4253 : 2012: Công trình thủy lợi - Nền các công trình thủy công - Yêu cầu thiết kế.

- TCVN 13505:2022 Công trình thủy lợi - Trạm bơm cấp, thoát nước - Yêu cầu thiết kế.

- TCVN 9152 : 2012: Công trình thủy lợi - Quy trình thiết kế tường chắn công trình thủy lợi.

- TCVN 8305 : 2009 - Kênh đất - Yêu cầu kỹ thuật thi công và nghiệm thu.

- TCVN 8218 : 2009 - Bê tông thủy công - Yêu cầu kỹ thuật.

- TCVN 9160 : 2012 - Công trình thủy lợi - Yêu cầu thiết kế dẫn dòng trong xây dựng.

- TCVN 9162 : 2012 - Công trình thủy lợi - Đường thi công - Yêu cầu thiết kế.

- TCVN 8412 : 2010 - Công trình thủy lợi - Hướng dẫn lập Quy trình vận hành.

- TCVN 9436 : 2012 - Nền đường ô tô - Thi công và nghiệm thu.

- TCVN 4054-2005 - Đường ôtô - Yêu cầu thiết kế.

- TCVN 10380:2014 Đường giao thông nông thôn - Yêu cầu thiết kế.

- TCVN 11823-2017 - Tiêu chuẩn thiết kế cầu.

- TCVN 5574:2018 - Tiêu chuẩn thiết kế kết cấu BT và BTCT.

- TCVN 5575:2012 - Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 10304:2014 - Móng cọc - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 8478 : 2018 Công trình thủy lợi - Yêu cầu về thành phần, khối lượng khảo sát địa hình trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế.

- TCVN 8224 : 2009 Công trình thuỷ lợi - Các quy định chủ yếu về lưới khống chế mặt bằng địa hình.

- TCVN 8225 : 2009 Công trình thuỷ lợi - Các quy định chủ yếu về lưới khống chế cao độ địa hình.

- TCVN 8226 : 2009 Công trình thuỷ lợi - Các quy định chủ yếu về khảo sát mặt cắt và bình đồ địa hình các tỷ lệ từ 1/200 đến 1/5000.

- TCVN 8223:2009 Công trình thuỷ lợi - Các quy định chủ yếu về đo đạc địa hình, xác định tim kênh và công trình trên kênh.

- TCVN 4419 :1987 - Khảo sát cho xây dựng - Nguyên tắc cơ bản.

- TCVN 8477: 2018 Công trình thủy lợi - Yêu cầu về thành phần, khối lượng khảo sát địa chất trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế.

- Các tiêu Quy chuẩn, Tiêu chuẩn xây dựng liên quan khác.

12. Tổng mức đầu tư: Tổng mức đầu tư tính theo mặt bằng giá Quý I năm 2023 của tỉnh Thanh Hóa là: **698.000.000.000** đồng *(Sáu trăm chín mươi tám tỷ đồng).*

Trong đó:

- Chi bồi thường, hỗ trợ GPMB:	50.472.770.000	đồng
- Chi phí xây dựng:	459.242.090.000	đồng
- Chi phí thiết bị:	16.000.000.000	đồng
- Chi phí quản lý dự án:	6.582.986.000	đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	40.612.902.000	đồng
- Chi phí khác:	9.236.603.000	đồng
- Chi phí dự phòng:	115.852.172.000	đồng

13. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách Trung ương do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý.

14. Tiến độ thực hiện dự án

- Chuẩn bị dự án: 2021 - 2023;

- Thực hiện dự án: 2023 - 2026.

15. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án.

16. Phương án bồi thường GPMB: Diện tích đất sử dụng vĩnh viễn: 96,5ha. Trong đó: Diện tích công trình cũ chiếm chỗ 83,20ha; diện tích giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư 13,30ha.

17. Lưu ý trong giai đoạn thiết kế BVTC

- Rà soát, tính toán về quy mô, thông số kỹ thuật, kết cấu từng hạng mục để lựa chọn quy mô, giải pháp tối ưu về kinh tế, kỹ thuật, an toàn công trình.

- Kênh Hưng Long: Cần kết hợp với việc điều chỉnh Qui trình vận hành của cống Tứ Thôn để đánh giá kỹ năng lực tiêu thoát của các công trình hiện trạng (cống Tứ Thôn, cống Mộng Giường I, II, trạm bơm Nga Thiện). Rà soát, đánh giá kết quả tính toán thủy lực mạng sông (có tính đến đường quá trình triều thiết kế). Nghiên cứu thêm các giải pháp nâng cao bờ kênh; rà soát, tính toán tối ưu hình thức kết cấu, kiến trúc, vị trí, số lượng các hạng mục công trình; lựa chọn hình thức kiến trúc của các hạng mục phù hợp với cảnh quan chung trong khu vực. Trường hợp phải nâng bờ kênh quá cao cần nghiên cứu phương án bổ sung hướng tiêu khác để hỗ trợ.

- Các cống điều tiết, cống đầu kênh lớn, cầu giao thông trên các trục tiêu: Rà soát, tính toán lựa chọn tối ưu kích thước, kết cấu, chiều sâu móng gia cố nền; các cửa van cần xem xét, tính toán lựa chọn chất lượng thép, sơn,...phù hợp với công trình ở vùng triều, đảm bảo vận hành lâu dài; đối với các cầu giao thông được nâng cấp cần lấy ý kiến thỏa thuận của Sở Giao thông vận tải; đối với thiết kế đường điện cho vận hành cống cần lấy ý kiến của cơ quan quản lý chuyên ngành.

- Kè lát mái chống sát lở các tuyến kênh (Hưng Long, sông Tống, Đông Quang,...): Không đắp thu hẹp lòng kênh, nên gia cố bám sát bờ kênh hiện trạng; rà soát, đánh giá kỹ điều kiện địa chất nền và mái từng đoạn kênh, lựa chọn quy mô, kết cấu kè phù hợp, đảm bảo ổn định khi tiêu thoát lũ.

- Các đoạn kênh nạo vét, chỉnh trị: Khảo sát kỹ hiện trạng, rà soát, tính toán xác định cụ thể chiều sâu nạo vét (nếu cần), biện pháp thi công, vị trí đổ thải (tính toán đủ các chi phí cần thiết theo quy định); lưu ý phương án gia cố mái đoạn trước Đền Trần cần xem xét kỹ, đảm bảo an toàn tuyệt đối, chống sạt trượt.

- Bờ kênh kết hợp đường quản lý vận hành: Rà soát lại quy mô, kết cấu mặt đường; dầm khóa, gờ chắn bánh xe; bố trí các ga tránh phù hợp; hạn chế tối đa chi phí đền bù GPMB.

- Sử dụng các loại kết cấu dầm BTCT đúc sẵn cho cầu giao thông (rãnh thoát nước, dầm,…) và xem xét việc thiết kế kiến trúc, mỹ thuật cho các công trình (cầu, tường chắn, giàn van,…).

- Về biện pháp thi công: Tư vấn thiết kế cần lập chi tiết biện pháp thi công cho các hạng mục công trình phù hợp với điều kiện địa hình, thủy văn, tiết kiệm chi phí. Lưu ý đối với các đoạn kè gia cố, cầu giao thông,.. cần xác định cụ thể thời gian mực nước thấp nhất trong năm để lập phương án thi công phù hợp.

- Rà soát chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành.

- Lập quy trình vận hành điều tiết hệ thống, lưu ý nghiên cứu kỹ giải pháp vận hành cống Tứ Thôn để tiêu nước đệm trước khi có lũ.

- Lập chỉ dẫn kỹ thuật chi tiết cho việc thi công kè, cầu giao thông, nạo vét,…. theo đúng các quy định.

Điều 2. Phân giao nhiệm vụ

- Cục Thuỷ lợi thực hiện chức năng quản lý Nhà nước hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra Chủ đầu tư tổ chức quản lý, thực hiện dự án theo đúng các quy định hiện hành.

- Vụ Kế hoạch, Vụ Tài chính và các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm xử lý các công việc liên quan đến quá trình thực hiện dự án theo chức năng nhiệm vụ được giao.

- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chủ đầu tư theo quy định hiện hành.

- Ban quản lý đầu tư và xây dựng Thủy lợi 2 chịu trách nhiệm phối hợp với Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa để bàn giao hồ sơ, thủ tục và thanh, quyết toán các khoản đã chi phí, tạm ứng hợp đồng theo đúng các quy định hiện hành, chịu trách nhiệm về các quyết định của mình.

- Uỷ ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa: Chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định Pháp luật hiện hành, đáp ứng tiến độ thực hiện Dự án; chỉ đạo các đơn vị liên quan tổ chức quản lý vận hành các công trình sau khi xây dựng hoàn thành, phát huy hiệu quả đầu tư xây dựng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Thuỷ lợi, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính; Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND các huyện Hà Trung, Nga Sơn; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ KH&ĐT;
- Bộ Tài chính;
- Kho bạc NN tỉnh Thanh Hóa;
- Kho bạc NN tỉnh Hải Dương;
- Sở NN và PTNT tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: VT, TL. (20b)

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Nguyễn Hoàng Hiệp